

Số: 385 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí các hệ đào tạo áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2023 tại Trường Đại học Đồng Tháp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTG ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tài chính nội bộ Trường Đại học Đồng Tháp; Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tài chính nội bộ Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-ĐHĐT ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường về việc thống nhất chủ trương về chính sách học phí áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2023 từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027 theo đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1982/TTr-ĐHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2023 từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027 tại Trường Đại học Đồng Tháp theo các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quản lý thu học phí

Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp với các khoa, các đơn vị liên quan thông báo thu học phí và cấp hóa đơn/biên lai thu đúng quy định của Nhà trường.



Điều 3. Trường phòng Kế hoạch – Tài chính và Trường các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

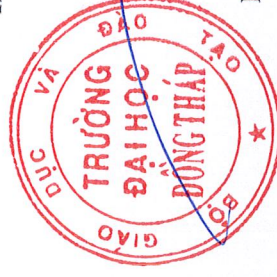
PHỤ LỤC 1
MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 385 /ĐHDT ngày 06/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/lin chi

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học				Tổng học phí toàn khóa
			2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm (đối với sinh viên học lại, học cải thiện)	370	450	530	630	-
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Quản lý công; Luật	370	450	530	630	59,400
3	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học;	400	480	570	680	63,900
4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	430	520	620	740	69,300
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Tâm lý học Giáo dục; Địa lý học (Địa lý du lịch); Truyền thông đa phương tiện; Quản lý Tài nguyên và môi trường	400	470	570	680	63,600

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

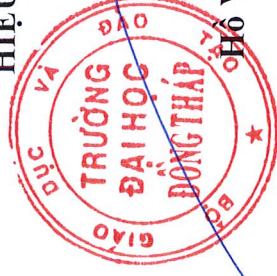
PHỤ LỤC 2
MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỬ PHẠM KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023
THUỘC ĐỐI TƯỢNG TỰ TÚC KINH PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 385 /ĐHĐT ngày 06/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	10,575	11,925	13,425	15,100

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

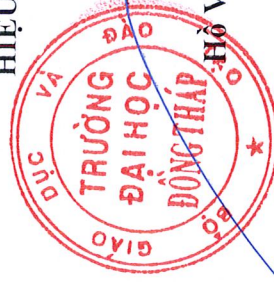
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 3
MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỬ PHẠM KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023
NHẬN ĐẶT HÀNG ĐÀO TẠO THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 95 /DHDT ngày 06/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học				ĐVT: nghìn đồng/năm học
			2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	14,100	15,900	17,900	20,138	

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 4
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC, VĂN BẰNG 2
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 385 /ĐHDT ngày 30/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

I. Đối với các lớp mở tại Trường
1. Học phí áp dụng đối với các lớp từ 20 học viên

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học		
			2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	13,700	17,800	22,800
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Quản lý công; Luật	13,700	17,800	22,800
3	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học;	14,800	19,200	24,600
4	Khối ngành V: Toán và thông kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	15,900	20,800	26,600
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Tâm lý học Giáo dục; Địa lý học (Địa lý du lịch); Truyền thông đa phương tiện; Quản lý Tài nguyên và môi trường	14,600	19,000	24,300
					29,300
					27,100
					27,100
					31,700
					29,000

2. Học phí áp dụng đối với các lớp dưới 20 học viên

Mức thu học phí theo mức thỏa thuận với người học nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.

II. Đối với các lớp mở tại các đơn vị liên kết đào tạo

- Mức thu học phí theo thỏa thuận giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.
- Mức thu học phí của từng năm học thể hiện rõ trong hợp đồng đào tạo ký kết giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo.

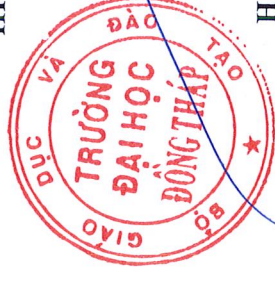
III. Học phí học lại

Học phí học lại = Tổng số thu học phí toàn khóa/(chia) Tổng số tín chỉ của toàn khóa học theo kế hoạch học tập chuẩn.

IV. Số năm học học viên phải nộp học phí

Số năm học học viên phải nộp học phí tối đa bằng với số năm học theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Học viên học tập ở năm học nào thì nộp theo mức học phí của năm học ấy. *uu*

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 5
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU SINH/HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 385 /ĐHĐT ngày 02/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

I. Đào tạo Thạc sĩ

1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục; Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học); Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh;	21,150	23,850	26,850	30,200
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản lý kinh tế	21,150	23,850	26,850	30,200
3	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Hóa lý thuyết và hóa lý; Khoa học môi trường; Vật lý lý thuyết và vật lý toán	22,800	25,650	28,950	32,560
4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Ngôn ngữ Việt Nam; Lịch sử Việt Nam	22,500	25,350	28,650	32,230

2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà học viên chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trở lại cùng khối ngành.



II. Đào tạo Tiến sĩ

1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục	35,250	39,750	44,750	50,340

2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà Nghiên cứu sinh chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành. uuu

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

